

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư y tế, đấu thầu thuốc chữa bệnh tại BHXH thị xã An Khê và Trung tâm Y tế thị xã An Khê

- Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;
- Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Dược năm 2005, 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Giá năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Đấu thầu năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2008, 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa năm 2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2002, 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND thị xã An Khê về thanh tra việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao, đấu thầu thuốc chữa bệnh;

Từ ngày 14/10/2019 đến ngày 13/12/2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Bảo hiểm xã hội thị xã An Khê và Trung tâm y tế thị xã An Khê. Mốc thời kỳ thanh tra theo Quyết định từ năm 2014 đến tháng 9/2019;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 96/BC-ĐTTr ngày 27/12/2019 của Trưởng Đoàn thanh tra.

Chủ tịch UBND thị xã kết luận như sau:

I. Khái quát chung

1. BHXH thị xã An Khê

BHXH thị xã An Khê được thành lập theo Quyết định số 142 QĐ/BHXH-TCCB ngày 02/02/2004 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam; có chức năng giúp Giám đốc BHXH tỉnh tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách về BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), cho người lao động và nhân dân trên địa bàn thị xã theo quy định của Luật BHXH, Luật BHYT và các văn bản quy định của pháp luật.

BHXH thị xã chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Giám đốc BHXH tỉnh Gia Lai; chịu sự quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn của UBND thị xã An Khê.

Về cơ cấu tổ chức: Tổng số người làm việc hiện nay là 13 người gồm: Giám đốc, 01 Phó giám đốc, 08 chuyên viên làm chuyên môn nghiệp vụ, 01 tạp vụ, 01 bảo vệ, 01 lái xe; Trình độ chuyên môn: Đại học 10, trung cấp 02, trình độ khác 01; Trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp 01 đồng chí, Trung cấp 02 đồng chí.

Đối với cơ sở y tế: Có 01 cơ sở kí hợp đồng KCB BHYT với cơ quan BHXH là: Trung tâm Y tế thị xã An Khê, với quy mô 120 giường bệnh và 11 Trạm Y tế xã, phường với tổng số 55 giường bệnh.

2. Trung tâm Y tế thị xã An Khê (TTYT)

TTYT thị xã được thành lập theo Quyết định sáp nhập số 590/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số-Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện vào Trung tâm Y tế huyện cùng cấp, tổ chức lại Ban Y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện, sáp nhập Bệnh viện Đa khoa khu vực (thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa) và Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố.

TTYT thị xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 109/QĐ-SYT ngày 30/01/2019 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế thị xã An Khê.

Cơ cấu tổ chức: Có 05 phòng và 12 khoa.

Nhân lực: Biên chế được giao: 232 (10 Hợp đồng 68); Biên chế thực hiện: 217 (10 hợp đồng 68, 14 hợp đồng lao động).

Cơ cấu chuyên môn:

- Hệ điều trị: 146, trong đó: Th.s Mắt: 01; Th.s sinh học: 01; BSCKI: 15; Bác sĩ: 12; Y sĩ: 02, ĐH Dược: 4; CD Dược: 2; Trung cấp Dược: 4; LY:01; Cử nhân điều dưỡng: 23; Điều dưỡng TH, CD: 55; ĐD Sơ cấp 1. Các Ngành khác: 29 (Đại học 12; Trung cấp 5; Cán bộ khác: 12).

- Y Tế xã: 57, trong đó: Bác sĩ :07; Y sỹ: 14 (trong đó: 01 hợp đồng); điều dưỡng: 13 (trong đó điều dưỡng sơ cấp 02); dược sỹ: 04 ; nữ hộ sinh: 19.

- Dự phòng: 17, trong đó: Bác sĩ : 01; Y sỹ: 02; Nữ hộ sinh: 07 ;KTV Xét nghiệm: 02 ;Thạc sỹ xét nghiệm: 01; Dược sỹ: 01; Cử nhân y tế cộng đồng: 01; Cử nhân an toàn thực phẩm: 01; Điều dưỡng: 01.

- Dân số - KHHGĐ: 13, trong đó: Dân số viên đại học: 04; Dân số viên trung học: 08; Cao đẳng hợp đồng: 01.

II. Kết quả thanh tra

1. Kết quả thanh tra đối với cơ quan BHXH thị xã An Khê

1.1. Về công tác quản lý thu, phát triển đối tượng tham gia BHYT

+ Nguyên tắc hạch toán thu - chi BHYT

Quỹ BHYT được quản lý tập trung, thống nhất tại BHXH Việt Nam (Đơn vị dự toán cấp I) cân đối quỹ toàn ngành có tính kết dư hàng năm cho BHXH cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp II). Đối với BHXH cấp huyện (Đơn vị dự toán cấp III) thực hiện thu nộp BHYT của đơn vị sử dụng lao động, người lao động và nhân dân chuyển kịp thời về BHXH tỉnh, BHXH tỉnh chuyển về BHXH Việt Nam theo quy định.

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHYT

BHXH thị xã thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đoàn thể, các cơ quan truyền thông và UBND các xã, phường tổ chức nhiều cuộc đối thoại nhằm phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chính sách BHXH,

BHYT, BHTN để từ đó người lao động nâng cao ý thức tự giác, chủ động tìm hiểu và tham gia BHXH, BHYT như:

- Phối hợp với UB mặt trận tổ quốc Việt Nam thị xã, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân thị xã tổ chức nhiều hội nghị đối thoại trực tiếp tuyên truyền chính sách BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình trong lực lượng cán bộ Chi hội phụ nữ, Chi hội nông dân, Hội viên phụ nữ, Hội viên hội nông và đông đảo nhân dân tại các xã, phường, các thôn, làng, tổ dân phố.

- Phối hợp với Bưu điện thị xã tổ chức Hội nghị đối thoại, tuyên truyền pháp luật về BHXH, Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung) cho người lao động nhằm nâng cao nhận thức của người dân về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Kết quả đã tổ chức 16 cuộc tuyên truyền, phổ biến với trên 919 lượt người tham dự.

- Phối hợp Đài Truyền thanh- Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai làm phóng sự, đưa tin, bài về lợi ích của BHYT đối với BHYT học sinh, người dân tham gia BHYT hộ gia đình; tuyên truyền trên sóng truyền thanh, truyền hình; phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thông tin, thể thao tuyên truyền với hình thức treo băng rôn, pano, cờ phướn trên các trục đường chính, phát đĩa tuyên truyền Luật BHXH, Luật BHYT, thông báo các văn bản chỉ đạo về BHXH, BHYT trên xe lưu động đi đến tận các xã, phường trên địa bàn.

- Phối hợp với các Trường học ký hợp đồng triển khai BHYT học sinh, phát tờ rơi tuyên truyền BHYT học sinh vào đầu năm học mới; treo băng rôn, khẩu hiệu về chính sách BHXH, BHYT, BHTN dịp các ngày lễ lớn như: Ngày thành lập ngành BHXH 16/2; Ngày kỷ niệm BHYT Việt Nam 01/7; Tuyên truyền về BHYT học sinh nhân ngày khai trường... BHXH thị xã thường xuyên viết tin, bài về hoạt động triển khai công tác BHXH, BHYT tại địa phương trên website của ngành...

+ Thống kê tỷ lệ bao phủ BHYT giai đoạn 2014- 2019 (theo Biểu số 01 kèm theo)

+ Tổng hợp kinh phí do NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT

Hàng năm, NSNN dành một khoản kinh phí để chăm lo công tác an sinh xã hội thông qua việc đóng, hỗ trợ đóng BHYT cho các nhóm đối tượng thuộc diện chính sách trên địa bàn thị xã.

Về quy trình đóng BHYT các nhóm đối tượng ngân sách: Ngân sách Trung ương đóng 100% BHYT cho nhóm đối tượng: Hộ nghèo, dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng khó khăn (vùng II), vùng đặc biệt khó khăn (vùng III), trẻ em dưới 6 tuổi, bảo trợ xã hội, người cao tuổi (80 tuổi trở lên), đối tượng có công cách mạng, cựu chiến binh; hỗ trợ 70% đối với hộ cận nghèo; hỗ trợ 30% mức đóng đối với hộ gia đình làm nông, lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình và học sinh. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% đối với hộ cận nghèo, 20% đối với hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, học sinh thuộc các hộ đông con có khó khăn về kinh tế.

- Số tiền NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT qua các năm (theo biểu số 26 đính kèm).

+ Tổng hợp danh sách các đơn vị nợ BHYT (Theo biểu số 27 đính kèm).

1.2. Việc thực hiện các chế độ BHYT

Thực hiện theo quy định của Luật BHYT, tại địa bàn thị xã nguồn thu và kinh phí được BHXH cấp trên cấp chủ yếu phục vụ cho việc thanh toán chi phí KCB BHYT cho Bệnh viện đa khoa khu vực An Khê và TTYT thị xã An Khê; Chi trả thanh toán trực tiếp cho đối tượng tham gia BHYT khi đi KCB chưa được cơ sở KCB thanh toán; Chi cho

công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại các trường học và các đơn vị sử dụng lao động có đầy đủ điều kiện về phòng y tế, nhân viên y tế theo quy định của Luật BHYT.

1.3. Việc trình, phân bổ và sử dụng Quỹ BHYT

Việc quản lý, phân bổ và sử dụng quỹ BHYT được thực hiện theo quy định tại Điều 35- Luật BHYT 2014 gồm:

- Trích 90% số tiền đóng BHYT dành cho công tác khám chữa bệnh (*Nội dung trích phân bổ được thực hiện tại BHXH Việt Nam*).

- Trích 10% số tiền đóng BHYT dành cho quỹ dự phòng, chi quản lý quỹ BHYT, trong đó dành tối thiểu 5% số tiền đóng BHYT cho quỹ dự phòng (*nội dung này được trích và quản lý và điều tiết tập trung tại Trung ương*).

1.4. Công tác quản lý và sử dụng quỹ KCB BHYT

(*Biểu số 02,03,04,05,06 đính kèm*).

+ Việc ký hợp đồng KCB BHYT đối với cơ sở khám chữa bệnh

Công tác ký hợp đồng KCB giữa BHXH thị xã với Bệnh viện đa khoa khu vực An Khê và Trung tâm y tế thị xã An Khê thường được thực hiện vào cuối năm trước để làm báo cáo về BHXH tỉnh, Sở Y tế làm cơ sở cho việc thực hiện hợp đồng năm kế tiếp và tạm ứng kinh phí KCB hàng năm, việc ký hợp đồng được thực hiện hàng năm vào trước ngày 01/01 của năm, và hợp đồng có hiệu lực trong năm tài chính, hết năm tài chính thì hợp đồng tự hết hiệu lực.

+ Tình hình sử dụng quỹ KCB BHYT

Số tiền chi tại cơ sở từ năm 2014 đến tháng 9/2019 (*Riêng số liệu Quý 3/2019 chưa thẩm định quyết toán của BHXH tỉnh Gia Lai*).

Tổng số lượt KCB: 351.622 lượt, với số tiền là: 143.989.277.072 đồng.

+ Việc giám định danh mục, bảng giá thuốc, VTYT, dịch vụ y tế

Việc thực hiện giám định danh mục, bảng giá thuốc, VTYT, dịch vụ kỹ thuật được thực hiện hàng năm, sau khi có kết quả trúng thầu, riêng danh mục dịch vụ sẽ được thực hiện giám định khi có thay đổi từ phía cơ sở y tế.

+ Chi quản lý bộ máy; đầu tư xây dựng, chi khác

Thực hiện theo dự toán của Trung ương, của Tỉnh giao chung dự toán chi quản lý BHXH, BHYT hàng năm cho thị xã, căn cứ số dự toán được giao và nhiệm vụ chung của ngành, nhiệm vụ phát sinh mới hàng năm, BHXH thị xã An Khê tổ chức thực hiện theo định mức, không giao riêng từng nguồn.

1.5. Việc sử dụng 20% kinh phí KCB chưa sử dụng hết. BHXH cấp huyện không thực hiện chức năng này.

1.6. Tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT

- Việc tạm ứng chi KCB BHYT được cơ quan BHXH thực hiện theo đúng quy định. Vào đầu mỗi quý, để có nguồn tiền phục vụ cho việc mua thuốc, vật tư y tế cho đợt kế tiếp, BHXH thị xã thực hiện tạm ứng 80% chi phí khám chữa bệnh của quý trước; sau khi được BHXH tỉnh thẩm định, phê duyệt quyết toán chi phí KCB, số tiền chênh lệch còn lại được chuyển trả đầy đủ vào tháng đầu của quý sau.

- Công tác thanh quyết toán chi phí KCB được BHXH thị xã, BHXH tỉnh thẩm định, phê duyệt theo từng quý. Trên cơ sở hồ sơ, bệnh án, số liệu đề nghị quyết toán của cơ sở KCB, bộ phận giám định BHXH thị xã thực hiện tổng hợp, giám định hồ sơ, dữ liệu sơ bộ theo tỷ lệ, sau đó tổng hợp báo cáo BHXH tỉnh thẩm định, quyết toán lại để thanh toán cho cơ sở KCB.

2. Kết quả thanh tra đối với cơ quan TTYT thị xã An Khê. Giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018 chưa sáp nhập Trung tâm Y tế và Bệnh viện Đa khoa khu vực An Khê.

2.1. Trung tâm Y Tế thị xã An Khê (Trung tâm Y tế cũ)

Về tình hình khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế thị xã An Khê từ năm 2014 đến năm 2018 được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Nội dung	2014	2015	2016	2017	2018
1	Tổng số lượt khám bệnh ngoại trú	4.850	4.288	3.971	7.206	6.597
2	Tổng số lượt điều trị nội trú					
3	Tỷ lệ vào điều trị nội trú					
4	Tổng số ngày điều trị nội trú					
5	Tỷ lệ sử dụng giường bệnh					

Về tình hình thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT hàng quý từ năm 2014 đến tháng 9/2019 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Dvt: Ca bệnh

Năm	Đề nghị			Quyết toán			Xuất toán		
	Ngoại trú	Nội trú	Tổng cộng	Ngoại trú	Nội trú	Tổng cộng	Ngoại trú	Nội trú	Tổng cộng
2014	4.869		4.869	4.850		4.850	19		19
2015	4.307		4.307	4.288		4.288	19		19
2016	4.038		4.038	3.971		3.971	67		67
2017	7.333		7.333	7.206		7.206	127		127
2018	6.623		6.623	6.597		6.597	26		26
Cộng	27.170		27.170	26.912		26.912	258		258

Về việc mua sắm thuốc theo gói thầu:

Từ năm 2014 đến năm 2015: Mua theo hình thức kết quả đấu thầu của Sở Y tế tỉnh Gia Lai.

Năm 2016 đến năm 2018: Thuốc tân dược và Chế phẩm thuốc đông y được mua sắm trực tiếp theo kết quả đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai.

Tiền Bảo hiểm y tế trích cho đơn vị hàng năm được sử dụng để mua thuốc, chi tiết như sau:

vt: Đồng

Stt	Năm	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
-----	-----	------------	---------------	---------------	-------------

01	2014	237.298.115	137.969.650	202.858.183	172.409.582
02	2015	172.409.582	11.581.353	154.117.659	29.873.276
03	2016	29.873.276	316.619.994	141.233.563	205.259.707
04	2017	205.259.707	266.344.073	262.974.910	208.628.870
05	2018	208.628.870	67.621.442	187.233.559	89.016.753

Về việc mua sắm vật tư y tế: (không có)

Về việc nhận và chi thanh toán tiền công khám bệnh: Hàng năm, TTYT thị xã An Khê có thanh quyết toán với cơ quan BHXH thị xã An Khê về khoản chi tiền công khám ở các đơn vị xã, phường. Năm 2014, 2015 đơn vị chi trả tiền công khám cho các đơn vị xã, phường. Từ năm 2016-2018, đơn vị đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện chi tăng thu nhập cho CBCNVC toàn đơn vị, chi tiết như sau:

Stt	Năm	Số tiền
01	2014	19.320.000
02	2015	17.224.000
03	2016	49.984.000
04	2017	210.990.955
05	2018	174.962.099
Tổng cộng:		472.481.054

2.2. Trung tâm Y tế thị xã An Khê

Số liệu từ năm 2014 đến 2018 là của Bệnh viện Đa khoa khu vực An Khê, 9 tháng đầu năm 2019 là của Trung tâm Y tế thị xã An Khê hiện nay.

2.2.1. Thanh quyết toán BHYT

Về tình hình khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế thị xã An Khê từ năm 2014 đến tháng 9/2019 được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Nội dung	2014	2015	2016	2017	2018	9/2019
1	Tổng số lượt khám bệnh ngoại trú	57.657	82.574	73.703	96.073	68.491	48.864
2	Tổng số lượt điều trị nội trú	7.963	9.839	10.641	10.539	10.025	9.289
3	Tỷ lệ vào điều trị nội trú	0,14	0,12	0,14	0,11	0,15	0,19
4	Tổng số ngày điều trị nội trú	37.482	46.779	52.887	50.077	44.000	34.693
5	Tỷ lệ sử dụng giường bệnh	85,6%	106,8%	121,0%	114,3%	100,5%	107,1%

Về tình hình thanh quyết toán chi phí khám chữa bệnh BHYT hàng quý từ năm 2014 đến tháng 9/2019 được thể hiện trong bảng dưới đây:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Đề nghị			Quyết toán			Xuất toán		
	Ngoại trú	Nội trú	Tổng cộng	Ngoại trú	Nội trú	Tổng cộng	Ngoại trú	Nội trú	Tổng cộng
2014	3.150	4.281	7.431	3.138	4.236	7.375	11	45	56
2015	3.656	4.845	8.501	3.641	4.803	8.444	15	41	56

2016	4.406	8.033	12.439	4.399	7.985	12.384	7	48	55
2017	6.147	12.270	18.416	6.076	12.154	18.230	71	117	188
2018	6.479	11.111	17.590	6.422	11.042	17.464	58	68	126
9/2019	8.039	8.684	16.724	3.358	5.330	8.687	16	10	26
Cộng	31.877	49.224	81.101	27.034	45.550	72.584	178	329	507

Về tình hình tạm ứng kinh phí khám chữa bệnh của BHXH cho đơn vị từ năm 2014 đến tháng 9/2019:

Quý	2014	2015	2016	2017	2018	9/2019	
I	2.400	2.717	1.845	2.489	3.631	2.771	
II	2.562	1.537	2.343	4.704	3.422	3.436	
III	318	2.916	2.417	5.269	6.181	4.616	
IV	2.008	1.746	4.037	5.586	3.509		
CỘNG	7.288	8.916	10.642	18.048	16.743	10.823	

2.2.2. Về việc mua sắm thuốc theo gói thầu (Biểu số 18,19, 21, 23)

Năm 2014: Hình thức tổ chức thực hiện: Mua theo kết quả đấu thầu của Sở Y tế Gia Lai

Sở Y tế tổ chức đấu thầu (Thời gian thực hiện năm 2013, sử dụng cho năm 2014)

+ Đấu thầu rộng rãi, cơ sở xây dựng giá kế hoạch căn cứ giá công bố trên website của Cục quản lý dược.

+ Thuốc tân dược mua theo kết quả đấu thầu của Sở Y tế Gia Lai

+ Thuốc phiên mua theo chỉ định thầu.

Từ năm 2015 đến năm 2017: Hình thức tổ chức thực hiện:

+ Thuốc tân dược mua sắm trực tiếp theo kết quả đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai

+ Thuốc phiên mua theo chỉ định thầu

Năm 2018: Hình thức tổ chức thực hiện:

+ Thuốc tân dược mua sắm trực tiếp theo kết quả đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai

+ Thuốc phiên mua sắm trực tiếp theo kết quả đấu thầu của Bệnh viện YHCT- PHCN Tỉnh Gia Lai.

Năm 2019: Hình thức tổ chức thực hiện: Thuốc tân dược mua sắm trực tiếp theo kết quả đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai.

2.2.3. Về việc mua sắm vật tư y tế

Công tác đấu thầu mua sắm vật tư y tế và hóa chất xét nghiệm được thực hiện từ năm 2016 đến nay. Năm 2014 và 2015, Trung tâm Y tế tổ chức đấu thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm nhưng bị rút thầu nên đơn vị mua theo hình thức ba báo giá của các công ty theo quyết định phê duyệt của Ban giám đốc.

Năm 2014: Giá trị mua sắm trực tiếp: 1.465.976.196đ; Hình thức mua sắm: 3 báo giá.

Năm 2015: Giá trị mua sắm trực tiếp: 1.564.302.345đ; Hình thức mua sắm: 3 báo giá.

Từ năm 2016 đến nay, hình thức mua sắm: chào hàng cạnh tranh (chi tiết phụ lục 11,12 đính kèm)

2.2.4. Về việc mua sắm trang thiết bị y tế (phụ lục 9,10).

2.2.5. Thanh toán tiền làm thêm giờ

Trong năm 2019, đơn vị sử dụng tiền từ nguồn BHYT để chi thanh toán tiền làm thêm giờ. Trong đó, 9 tháng đầu năm 2019, đơn vị đã chi thanh toán tiền làm ngoài giờ vượt so với quy định cho 03 trường hợp. Tổng số tiền đã chi vượt là 19.029.108 đồng (Chi tiết Bảng Phụ lục 25 đính kèm).

III. Nhận xét, kết luận

1. Đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã An Khê

1.1. Về công tác quản lý thu, phát triển đối tượng tham gia BHYT

Việc thực hiện công tác thu nộp, quản lý hồ sơ thu nộp được BHXH thị xã tổ chức thực hiện theo dự toán giao hàng năm, đảm bảo thu đúng thu đủ.

Tại BHXH thị xã theo quy định không được phép cân đối thu-chi quỹ BHYT. Việc thu, chi được thực hiện theo dự toán thu và dự toán chi hàng năm, theo hình thức: Thu nộp về cấp trên; chi do cấp trên cấp về.

Đối với công tác tuyên truyền: Với những nội dung và cách thức triển khai đa dạng nêu trên, thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về BHXH, BHYT đã góp phần nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp, hội viên và nhân dân, từ đó người dân đã có ý thức hơn trong việc tự nguyện đăng ký tham gia BHXH tự nguyện, BHYT hộ gia đình.

Hàng năm, đối tượng thuộc diện NSNN đóng, hỗ trợ đóng của toàn thị xã khá lớn, biến động tăng - giảm liên tục. Mặc dù hàng tháng, quý BHXH thị xã cũng đã phối hợp với cơ quan quản lý đối tượng (*Phòng LĐTB&XH*) và UBND các xã, phường đối chiếu xác nhận danh sách, hồ sơ, số liệu đầy đủ chuyển về BHXH tỉnh để tổng hợp đề nghị Sở Tài chính cấp kinh phí nhưng do NSNN bố trí đóng BHYT toàn tỉnh hàng năm khá lớn nên kinh phí thường không đảm bảo. Do vậy, tình trạng NSNN nợ đọng BHYT thường xuyên xảy ra và có xu hướng ngày càng tăng, kể cả các nhóm do phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thị xã quản lý, đây cũng là một nội dung vướng mắc rất lớn đối với cơ quan BHXH trong việc đảm bảo kinh phí chuyển cho TTYT thị xã để phục vụ công tác KCB cho nhân dân.

1.2. Việc thực hiện các chế độ BHYT

Nhìn chung các nội dung chi, nguồn chi, định mức chi đều được cơ quan BHXH thị xã thực hiện cấp đầy đủ, đúng theo quy định của ngành và của pháp luật.

1.3. Việc trình, phân bổ và sử dụng Quỹ BHYT

Từ năm 2014 đến năm 2019, BHXH thị xã An Khê ký hợp đồng KCB BHYT với Bệnh viện Đa khoa khu vực An Khê và Trung tâm Y tế An Khê theo phương thức dịch vụ. Bắt đầu từ năm 2018 trở đi, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, BHXH tỉnh và Sở Y tế đã phối hợp tham mưu UBND tỉnh giao dự toán chi khám chữa bệnh BHYT cho tất cả các cơ sở có hợp đồng KCB BHYT. Cơ sở để giao dự toán chi KCB BHYT tại thị xã là căn cứ vào chi phí của cơ sở y tế được quyết toán năm trước để giao dự toán chi phí KCB BHYT cho năm kế tiếp, đồng thời mức giao tăng hay giảm cho mỗi cơ sở y tế còn dựa trên tình hình thực tế, năng lực KCB, số lượng dịch vụ, số thẻ BHYT.

1.4. Công tác quản lý và sử dụng quỹ KCB BHYT

Hàng năm, BHXH thị xã An Khê thực hiện việc ký hợp đồng KCB BHYT đối với cơ sở khám chữa bệnh: Bệnh viện Đa khoa khu vực An Khê (cũ) và Trung tâm Y tế thị xã An Khê, và hợp đồng có hiệu lực trong năm tài chính, hết năm tài chính thì hợp đồng tự hết hiệu lực.

Tình hình sử dụng quỹ KCB BHYT: đúng quy định và được BHXH tỉnh Gia Lai thẩm định quyết toán hàng quý

Đối với việc quản lý, sử dụng 10% quỹ BHYT cho dự phòng và chi phí quản lý quỹ. Nội dung này được thực hiện ở cấp Trung ương; BHXH tỉnh, BHXH thị xã thực hiện theo dự toán chung được giao.

1.5. Tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT

Nhìn chung kinh phí phục vụ công tác khám chữa bệnh các năm qua đối với thị xã An Khê tương đối đầy đủ, chỉ có năm 2018 cơ sở có ý kiến về vấn đề thiếu kinh phí. Lý do số chi vượt dự toán năm 2018 chưa được Hội đồng quản lý quỹ phê duyệt. Còn từ đầu năm 2019 đến nay BHXH tỉnh đã cấp ứng đủ kinh phí KCB 9 tháng đầu năm 2019.

2. Đối với Trung tâm y tế thị xã An Khê

2.1. Vấn đề thanh quyết toán BHYT

Hàng năm, Trung tâm Y tế thị xã An Khê và Bảo hiểm xã hội thị xã An Khê ký kết hợp đồng khám chữa bệnh cho bệnh nhân có thẻ BHYT kịp thời, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong địa bàn thị xã An Khê và các vùng lân cận.

Năm 2018, BHXH Tỉnh Gia Lai thông báo giảm trừ chi phí khám chữa bệnh của năm 2017 là 1.933 triệu đồng và kiểm toán chuyên đề xuất toán số tiền 633 triệu đồng. Năm 2019, sau khi duyệt quyết toán năm 2018, BHXH tỉnh Gia Lai xuất toán chi phí khám chữa bệnh BHYT năm 2018 là 596 triệu đồng.

2.2. Về việc mua sắm thuốc theo gói thầu

Hình thức tổ chức thực hiện: Mua theo kết quả đấu thầu của Sở Y tế Gia Lai

Đấu thầu rộng rãi, cơ sở xây dựng giá kế hoạch căn cứ giá công bố trên website của Cục quản lý dược. Thuốc tân dược mua theo kết quả đấu thầu của Sở Y tế Gia Lai. Thuốc phiên mua theo chỉ định thầu.

Việc kiểm soát chất lượng thuốc trong quá trình mua sắm: Số lượng thuốc khi nhập về kho lưu trữ của Trung tâm Y tế tuy không nhiều nhưng đòi hỏi công tác bảo quản, giám sát chất lượng thuốc được thực hiện chặt chẽ. Kho thuốc của Trung tâm Y tế rộng rãi, có kệ bỏ thuốc hoặc pallet, điều hoà, tủ lạnh, nhiệt kế... Thuốc nhập về được phân loại thành các nhóm để bảo quản theo điều kiện ghi trên nhãn và được kiểm tra, ghi chép hằng ngày. Trung tâm Y tế có phần mềm quản lý thuốc để cập nhật thường xuyên các loại thuốc cận hạn hoặc quá hạn sử dụng.

Số lượng thuốc mua sát với phân khai của Sở Y tế.

2.3. Về việc mua sắm trang thiết bị vật tư y tế

Quy trình mua sắm đấu thầu theo quy định chung, căn cứ lập kế hoạch đấu thầu của các năm 2015, 2016, 2018 và 2019 TTYT căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 và căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu để thực hiện mua sắm trang thiết bị đúng quy định.

Tuy nhiên, năm 2018, một số hoá chất trong danh mục đấu thầu gói số 1 quyết định trúng thầu và nhập hàng không đúng xuất xứ như:

- Anti A, Anti B, Anti ABx10ml ; Anti D (Rh) x 10ml (chứng thư thẩm định là Tây Ban Nha, nhưng thông báo trúng thầu là Đức).

- Ferritin (chứng thư thẩm định là Anh, nhưng thông báo trúng thầu là Tây Ban Nha).

- HDL Cholesterol (chứng thư thăm định là Tây Ban Nha, nhưng thông báo trúng thầu là Anh).

2.4. Đối với khoản chi thanh toán tiền ngoài giờ

Theo Luật Lao động năm 2012 về chế độ làm thêm giờ trong một năm không quá 200 giờ (trừ một số trường hợp quy định theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính Phủ). Tuy nhiên, 9 tháng đầu năm 2019 đơn vị đã bố trí một số nhân viên làm ngoài giờ và thanh toán tiền vượt quy định, vì lý do khách quan là TTYT không có bác sĩ chuyên gây mê. Với tổng số tiền là 19.029.108 đồng, trong đó:

- Số giờ chỉ vượt ở mức 300 giờ : 164 giờ; tương ứng với số tiền: 10.421.930 đồng. Trung tâm Y tế đã có Thông báo số 03/TTr-TTYT ngày 07/01/2019 về làm thêm giờ lao động gửi Sở LĐTB&XH tỉnh Gia Lai, đúng theo Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính Phủ về làm thêm giờ.

- Số giờ ở mức trên 300 giờ : 139 giờ; tương ứng với số tiền là : 8.607.178 đồng.

Năm 2016: Đã được kiểm toán nhà nước kiểm tra giai đoạn năm 2013-2015; Năm 2018 được Thanh tra tỉnh Gia Lai thanh tra giai đoạn 2013-2017; Năm 2017, Kiểm toán chi phí KCB BHYT; Năm 2019, Kiểm toán việc Đánh giá công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí NSNN cấp, nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ, thu SXKD khác của các Bệnh viện (trừ khoản chi sự nghiệp có tính chất đầu tư) giai đoạn 2016 – 2018.

IV. Kết luận, biện pháp xử lý

Từ kết quả thanh tra, Chủ tịch UBND thị xã chỉ đạo Giám đốc BHXH thị xã An Khê và Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã An Khê thực hiện một số biện pháp xử lý sau:

1. Đối với cơ quan BHXH thị xã An Khê

Thực hiện tốt công tác phát triển đối tượng tham gia BHYT nhất là nhóm đối tượng hộ gia đình.

Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHYT thường xuyên sâu rộng, để đạt được hiệu quả cao bằng nhiều phương tiện, hình thức tới các hộ dân và đặc biệt là đối với các doanh nghiệp. Để các Doanh nghiệp có ý thức về tham gia BHXH, BHYT; hạn chế một số doanh nghiệp cố tình không đóng, đóng không đúng với mức lương, chiếm dụng, chậm nộp, nợ đọng BHYT kéo dài, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hưởng BHYT của người lao động.

Yêu cầu các cơ quan, ban, ngành, hội đoàn thể, UBND các xã, phường tích cực phối hợp chặt chẽ với BHXH thị xã An Khê ngay từ khâu rà soát, đề nghị lập danh sách, cấp phát thẻ BHYT đúng đối tượng quy định, kịp thời đến tay người dân.

2. Đối với Trung tâm y tế thị xã An Khê

- Trong các năm qua Trung tâm Y tế thị xã An Khê đã thực hiện tốt việc sử dụng quỹ BHYT, thường xuyên kiểm tra việc chỉ định thuốc, chỉ định cận lâm sàng, không có vi phạm trực lợi quỹ BHYT.

- Công tác mua sắm thuốc, vật tư tiêu hao cơ bản thực hiện đúng quy định của luật đấu thầu, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Nhưng cần rút kinh nghiệm trong việc mua sắm các loại hóa chất, cần chú ý đến vấn đề xuất xứ theo đúng quyết định trúng thầu.

- Việc thanh toán chế độ làm ngoài giờ vượt quy định mặc dù đã qua các cuộc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán hàng năm, nhưng việc chi thanh toán tiền làm ngoài giờ vẫn còn

xảy ra. Yêu cầu đơn vị tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân về việc chi thanh toán tiền làm thêm giờ vượt quy định. Và định hướng tuyển dụng bác sĩ chuyên khoa gây mê để đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

- Yêu cầu TTYT thị xã An Khê cần quyết toán và thanh toán, tạm ứng chi phí KCB BHYT kịp thời, tránh tình trạng kinh phí đã quyết toán năm trước qua năm sau lại thông báo xuất toán, giảm trừ.

- Thu hồi số tiền chi thanh toán chế độ làm ngoài giờ vượt quy định là : **8.607.178 đồng** (Tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn một trăm bảy mươi tám đồng y) vào Ngân sách Nhà nước khi có quyết định của Chủ tịch UBND thị xã An Khê.

Trên đây là Kết luận thanh tra chuyên đề diện rộng việc sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư y tế, đấu thầu thuốc chữa bệnh tại BHXH thị xã An Khê và Trung tâm Y tế thị xã An Khê trên địa bàn thị xã An Khê; các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh Gia Lai;
- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- Lãnh đạo UBND thị xã;
- VP HĐND-UBND thị xã;
- Thanh tra thị xã;
- Phòng LĐ-TB&XH thị xã;
- Phòng Y tế thị xã;
- Trung tâm Y tế thị xã;
- BHXH thị xã An Khê;
- Đoàn thanh tra;
- Lưu: VT+ĐTTr.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Vỹ



TỶ LỆ BAO PHỦ BHYT TỪ NĂM TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019

STT	Năm	Dân số	Số người tham gia BHYT	Tỷ lệ bao phủ (%)	Chỉ tiêu được giao	Tỷ lệ so với kế hoạch được giao
1	2	3	4	5	6	7
1	2014	65,896	31,651	48.03%	31,609	100.13%
2	2015	66,847	36,238	54.21%	36,182	100.15%
3	2016	66,840	40,820	61.07%	39,477	103.40%
4	2017	67,520	46,321	68.60%	45,841	101.05%
5	2018	68,048	48,626	71.46%	48,081	101.13%
6	09/2019	66,180	53,043	80.15%	48,985	108.48%

* Dân số do Thống kê An Khê cung cấp, riêng năm 2019 do BHXH tỉnh cung cấp theo số của Thống kê tỉnh;

* Số người tham gia BHYT là số do BHXH An Khê quản lý, chưa tính người dân An Khê tham gia tại địa phương khác.

TỔNG HỢP KÝ HỢP ĐỒNG KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019

STT	Số cơ sở KCB BHYT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng số cơ sở KCB BHYT						
	Cơ sở y tế nhà nước	2	2	2	2	2	1
	Cơ sở y tế tư nhân						
2	Tổng số cơ sở KCB BHYT						
2.1	Tuyển trung ương và tương đương						
	Dịch vụ						
	Định suất						
2.2	Tuyển tỉnh và tương đương						
	Dịch vụ	1	1	1	1	1	
	Định suất						
2.3	Tuyển huyện và tương đương						
	Dịch vụ	1	1	1	1	1	1
	Định suất						
2.4	Tuyển xã và tương đương						
	Dịch vụ						
	Định suất						

BÁO CÁO CÂN ĐỐI QUỸ KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019



STT	Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016	
	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ
1	Tổng the							
2	Số lượt	46,990	4,872	53,187	4,288	57,475	57,481	4,000
2.1	Số lượt BN trong tỉnh	44,347	4,872	50,694	4,288	54,982	55,197	3,913
2.2	Số lượt BN ngoại tỉnh	2,643	0	2,493	0	2,493	2,284	87
3	Tổng chi của tỉnh, TP (3=3.1+3.2+3.3+3.4)	14,186,524,368	1,069,629,168	14,913,639,937	2,287,376,168	17,201,016,105	22,972,640,425	4,149,808,575
3.1	Chi nội tỉnh	5,843,966,407	121,685,700	5,839,554,940	93,429,711	5,932,984,651	8,415,127,302	121,844,642
3.1.1	Chi cho cơ sở KCB	5,323,114,539	121,685,700	5,771,962,145	92,229,711	5,864,191,856	7,651,949,587	121,344,642
3.1.2	Chi thanh toán trực tiếp	10,265,387	0	14,874,548	1,200,000	16,074,548	10,683,777	500,000
3.1.3	Chi Chăm sóc SKBD	510,586,481	0	52,718,247	0	52,718,247	752,493,938	0
3.2	Đa tuyến đi	8,342,557,961	947,943,468	9,074,084,997	2,193,946,457	11,268,031,454	14,557,513,123	4,027,963,933
3.3	Chi kết dư định suất	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Dư quỹ định suất chuyển quỹ KCB năm sau của CS KCB	0	0	0	0	0	0	0
3.5	Chi kết dư 20% quỹ 2015	0	0	0	0	0	0	0
4	Đa tuyến đến	2,051,662,907	99,581,749	2,672,315,771	78,308,291	2,750,624,062	4,731,959,621	59,979,075
5	Quỹ KCB BHYT	0	0	0	0	22,032,791,896	0	0
5.1	Quỹ KCB BHYT theo số thu	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Quỹ kết dư định suất năm trước chuyển sang	0	0	0	0	0	0	0
6	Cân đối quỹ (6=5-3)	-13,675,937,887	0	-5,786,836,693	0	-5,786,836,693	-7,662,633,364	0

BÁO CÁO CÂN ĐỐI QUỸ KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019



Năm 2017				Năm 2018			9 tháng Năm 2019		
Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng
61,481	59,183	7,206	66,389	58,000	6,597	64,597	0	49,818	49,818
59,110	56,810	7,035	63,845	55,883	6,432	62,315	0	48,014	48,014
2,371	2,373	171	2,544	2,117	165	2,282	0	1,804	1,804
27,122,449,000	23,111,744,109	9,268,812,866	32,380,556,975	28,518,745,251	7,719,457,789	36,238,203,040	0	15,790,898,416	15,790,898,416
8,536,971,944	9,844,831,972	235,951,896	10,080,783,868	9,565,308,658	171,436,412	9,736,745,070	0	9,609,875,678	9,609,875,678
7,773,294,229	9,107,878,632	228,579,876	9,336,458,508	8,835,511,373	171,436,412	9,006,947,785	0	9,609,875,678	9,609,875,678
11,183,777	31,787,436	7,372,020	39,159,456	22,224,766	0	22,224,766	0	0	0
752,493,938	705,165,904	0	705,165,904	707,572,519	0	707,572,519	0	0	0
18,585,477,056	13,266,912,137	9,032,860,970	22,299,773,107	18,953,436,593	7,548,021,377	26,501,457,970	0	6,181,022,738	6,181,022,738
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4,791,938,696	9,149,770,230	226,376,140	9,376,146,370	8,614,220,580	178,890,994	8,793,111,574	0	4,568,946,796	4,568,946,796
22,287,666,913	0	0	32,445,058,657	0	0	34,889,602,109	0	0	18,009,313,787
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-7,662,633,364	-9,139,666,068	0	-9,139,666,068	-8,857,736,139	0	-8,857,736,139	0	0	0

CƠ CẤU CHI PHÍ KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019

(Đơn vị tính: đồng)

ST T		Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016		
		BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng
1	Tổng chi KCB BHYT thực tế	7,374,777,446	221,267,449	7,596,044,895	8,444,277,916	170,538,002	8,614,815,918	12,383,909,208	181,323,717	12,565,232,925
2	Tách theo loại hình KCB	7,374,777,446	221,267,449	7,596,044,895	8,444,277,916	170,538,002	8,614,815,918	12,383,909,208	181,323,717	12,565,232,925
	Chi cho KCB ngoại trú	3,138,284,252	221,267,449	3,359,551,701	3,641,298,666	170,538,002	3,811,836,668	4,398,972,546	181,323,717	4,580,296,263
	Chi cho KCB nội trú	4,236,493,194	0	4,236,493,194	4,802,979,250	-	4,802,979,250	7,984,936,662	-	7,984,936,662
3	Tách theo nội dung chi phí:	8,143,765,473	221,267,449	8,365,032,922	9,151,065,757	170,538,002	9,321,603,759	13,466,095,304	181,323,717	13,647,419,021
	Chi tiền dịch vụ KT (bao gồm cả XN, CDHA, PT-TT, DVKT tỷ lệ)	3,209,053,413	0	3,209,053,413	3,538,071,875	-	3,538,071,875	5,421,977,150	-	5,421,977,150
	Chi tiền thuốc (máu, hóa chất, thuốc tỷ lệ)	3,409,774,311	201,779,449	3,611,553,760	3,850,253,847	153,386,002	4,003,639,849	3,875,692,660	131,295,717	4,006,988,377
	Chi tiền BHYT (bao gồm cả BHYT tỷ lệ)	63,665,489	0	63,665,489	49,410,395	-	49,410,395	50,633,454	-	50,633,454
	Chi tiền khám	328,075,200	19,488,000	347,563,200	371,742,400	17,152,000	388,894,400	729,211,100	50,028,000	779,239,100
	Chi tiền ngày giường	1,058,893,000	0	1,058,893,000	1,285,734,000	-	1,285,734,000	3,327,511,400	-	3,327,511,400
	Chi cho vận chuyển	74,304,060	0	74,304,060	55,853,240	-	55,853,240	61,069,540	-	61,069,540
4	Tỷ trọng chi phí	1	0	1	1	0	1	1	0	1
	Chi tiền dịch vụ KT (bao gồm cả XN, CDHA, PT-TT, DVKT tỷ lệ)	43.5%		42.2%	41.9%		41.1%	43.8%		43.2%
	Chi tiền thuốc (máu, hóa chất, thuốc tỷ lệ)	46.2%		47.5%	45.6%		46.5%	31.3%		31.9%
	Chi tiền BHYT (bao gồm cả BHYT tỷ lệ)	2.0%		1.9%	1.4%		1.3%	1.2%		1.1%
	Chi tiền khám	7.7%		8.2%	7.7%		8.1%	9.1%		9.8%
	Chi tiền ngày giường	13.0%		12.7%	14.1%		13.8%	24.7%		24.4%
	Chi cho vận chuyển	2.3%		2.3%	1.6%		1.6%	1.1%		1.1%



CƠ CẤU CHI PHÍ KCB BHYT TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019

(Đơn vị tính: đồng)

Năm 2017			Năm 2018			9 tháng Năm 2019		
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	Tổng
18,257,648,862	454,956,016	18,712,604,878	17,449,731,953	350,327,406	17,800,059,359	0	14,178,822,474	14,178,822,474
18,257,648,862	454,956,016	18,712,604,878	17,449,731,953	350,327,406	17,800,059,359	0	14,178,822,473	14,178,822,473
6,074,425,311	454,956,016	6,529,381,327	6,408,292,365	350,327,406	6,758,619,771	0	5,505,302,597	5,505,302,597
12,183,223,551	-	12,183,223,551	11,041,439,588	-	11,041,439,588	0	8,673,519,876	8,673,519,876
19,994,604,590	454,956,016	20,449,560,606	19,013,843,467	350,327,406	19,364,170,873	0	15,493,925,491	15,493,925,491
6,961,559,205	-	6,961,559,205	5,977,972,943	-	5,977,972,943	0	5,014,857,788	5,014,857,788
4,771,751,278	246,365,882	5,018,117,160	5,711,581,132	175,365,307	5,886,946,439	0	4,265,432,726	4,265,432,726
52,006,331	-	52,006,331	56,150,708	-	56,150,708	0	58,907,250	58,907,250
1,571,553,511	208,590,134	1,780,143,645	1,431,679,367	174,962,099	1,606,641,466	0	1,309,883,042	1,309,883,042
6,586,523,685	-	6,586,523,685	5,768,874,037	-	5,768,874,037	0	4,809,912,305	4,809,912,305
51,210,580	-	51,210,580	67,585,280	-	67,585,280	0	34,932,380	34,932,380
1	0	1	1	0	1	0	1	1
38.1%		37.2%	34.3%		33.6%		35.4%	35.4%
26.1%		26.8%	32.7%		33.1%		30.1%	30.1%
0.9%		0.8%	0.9%		0.8%		1.1%	1.1%
12.9%		14.6%	13.0%		14.6%		15.1%	15.1%
32.9%		32.2%	30.3%		29.8%		31.0%	31.0%
0.7%		0.7%	1.1%		1.1%		0.7%	0.7%

TỔNG HỢP SỐ LIỆU TỪ CHỐI THANH TOÁN QUA KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019

(Đơn vị tính: Đồng)

T T	Năm	Số tiền từ chối thanh toán qua giám định, kiểm tra CSKCB			Trong đó, qua kiểm tra		
		Số xuất toán ngoài dữ liệu	Xuất toán trong dữ liệu		Tổng cộng	Số đơn vị kiểm tra	Số từ chối thanh toán
			BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ			
1	2014		63,988,292	1,175,268	65,163,560		
2	2015		40,098,454	782,801	40,881,255		
3	2016		21,659,365	0	21,659,365		
4	2017		1,629,072	204,547	1,833,619		
5	2018		601,401	187,920	789,321		
6	9/2019		53,640,207	850,323	54,490,530		
Tổng cộng			181,616,791	3,200,859	184,817,650		

TỶ TRỌNG TIỀN GIƯỜNG TRONG CHI PHÍ KCB NỘI TRÚ TẠI CÁC BỆNH VIỆN TỪ THÁNG 01/2014 - 9/2019

STT	Năm	Tổng chi phí		Tổng	Tiền giường		Tổng	Tỷ lệ
		BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ		BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ		
1	2014	7,374,777,446	0	7,374,777,446	1,058,893,000	0	1,058,893,000	14.36%
2	2015	8,444,277,916	0	8,444,277,916	1,285,734,000	0	1,285,734,000	15.23%
3	2016	12,383,909,208	0	12,383,909,208	3,327,511,400	0	3,327,511,400	26.87%
4	2017	18,257,648,862	0	18,257,648,862	6,586,523,685	0	6,586,523,685	36.08%
5	2018	17,449,731,953	0	17,449,731,953	5,768,874,037	0	5,768,874,037	33.06%
6	9/2019	0	14,178,822,474	14,178,822,474	0	4,809,912,305	4,809,912,305	33.92%



TỔNG HỢP KINH PHÍ DO NSNN ĐÓNG, HỖ TRỢ ĐÓNG BHYT

STT	Đối tượng hưởng	Mã ĐT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019 (từ tháng 01-> T9)	Tổng cộng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	NSNN ĐÓNG		7,427,249,894	6,513,895,074	7,139,745,539	7,299,148,982	10,858,803,418	6,140,992,505	45,379,835,412
1	Đại biểu quốc hội, HDNN	BH	81,454,500	81,558,000	64,777,350	75,289,650	79,608,600	61,751,250	444,439,350
2	Người có công	AN+BG	230,470,300	154,469,100	177,660,600	166,790,700	166,941,900	121,469,400	1,017,802,000
3	Bảo trợ xã hội	AA+BM	1,573,463,750	1,057,596,250	883,431,000	736,950,000	1,187,001,250	1,686,903,650	7,125,345,900
4	Cán bộ xã hưởng trợ cấp NSNN	BF	0	0	797,850	677,700	726,300	576,450	2,778,300
5	Cựu chiến binh	BB	57,279,152	52,990,721	52,253,691	43,964,554	49,136,776	91,564,698	347,189,592
6	Đối tượng nghèo	BN	717,359,095	537,979,163	818,815,126	1,053,738,376	989,023,048	624,418,327	4,741,333,135
7	Người cao tuổi	AX	0	0	0	0	0	19,599,300	19,599,300
8	Trẻ em dưới 6 tuổi	BE	4,746,264,347	4,558,456,090	4,932,192,587	4,853,126,163	7,747,585,718	2,834,954,173	29,672,579,078
9	Thần nhân người có công	AB+AS	0	48,438,000	68,335,200	91,377,000	105,307,650	85,292,550	398,750,400
10	Mất sức lao động theo QĐ 613, QĐ 91	BU	20,958,750	22,407,750	24,418,800	25,694,100	27,107,100	22,758,750	143,345,250
11	Tham gia kháng chiến	AH	0	0	117,063,335	186,790,109	129,336,356	75,437,660	508,627,460
12	Người đã hiến bộ phận cơ thể	BX	0	0	0	0	2,017,350	1,715,940	3,733,290
13	Người dân tộc thiểu số sống vùng KK, ĐBK	AO	0	0	0	64,750,630	375,011,370	514,550,357	954,312,357
II	NSNN HỖ TRỢ		1,753,868,284	2,165,273,530	3,089,612,724	2,916,222,186	5,157,318,362	4,718,633,548	19,800,928,634
1	Ngân sách tỉnh hỗ trợ học sinh, sinh viên	TYT0002B	1,309,595,850	1,534,801,500	2,333,838,254	1,831,713,241	2,771,208,045	2,377,897,290	12,159,054,180
2	NSNN tỉnh hỗ trợ HGD Nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình (AR)	TYT0007B	0	0	0	32,836,320	1,358,117,955	1,969,474,230	3,360,428,505
3	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ cận nghèo (AC) (70%)	TYT0005B	87,157,350	306,101,250	496,133,576	724,803,077	701,722,974	309,730,928	2,625,649,155
4	Người thuộc hộ gia đình cận nghèo NSNN hỗ trợ 100%	AI	357,115,084	324,370,780	259,640,894	326,869,548	326,269,388	61,531,100	1,655,796,794
	Tổng cộng		9,181,118,178	8,679,168,604	10,229,358,263	10,215,371,168	16,016,121,780	10,859,626,053	65,180,764,046

CÁC ĐƠN VỊ NỢ TIỀN ĐÓNG BẢO HIỂM Y TẾ TỪ HAI (02) THÁNG TRỞ LÊN

Tại thời điểm tháng 10/2019

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Số lao động	Địa chỉ liên hệ	BHYT	
					Số tháng nợ	Số tiền nợ
A	B	C	1	2	8	9
I	Khối DN Ngoài quốc doanh					131,764,122
1	Công ty TNHH xây dựng Tân Phú	TB0002B	5	15B đường Đỗ Trạc, Phường An Phú, Thị xã An Khê, Gia Lai	5	2,811,960
2	Công ty TNHH Hưng Thịnh	TB0003B	10	Tổ 3, Phường Ngô Mỹ, Thị xã An Khê, Gia Lai	6	7,294,874
3	Doanh nghiệp tư nhân Gia Hải	TB0007B	10	629 Quang Trung, Phường Tây Sơn, An Khê, Gia Lai	2	3,195,000
4	Công ty TNHH một thành viên Quang Trình	TB0018B	2	25 Trần Phú, P. Tây Sơn, An Khê, Gia Lai	4	1,260,000
5	Công ty TNHH một thành viên Long Phước	TB0019B	7	86 Nguyễn Nhạc, tổ 14, Phường An Phú, Thị xã An Khê, Gia Lai	3	3,327,366
6	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Thuận Phát	TB0024B	1	Khu quy hoạch dân cư, Chu Văn An, Phường An Tân, Thị xã An Khê, Gia Lai	24	3,243,708
7	Văn phòng công chứng An Khê	TB0028B	2	P. An Phú, An Khê, Gia Lai	2	557,510
8	Công ty TNHH một thành viên Nguyễn Cường - Gia Lai	TB0035B	2	14 Quang Trung, Phường An Tân, Thị xã An Khê, Gia Lai	7	781,686
9	Công ty TNHH một thành viên Hương Thịnh Gia Lai	TB0038B	2	272 Hoàng Hoa Thám, P. An Tân, An Khê, Gia Lai	7	2,249,568
10	CN công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi- Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai	TB0063B	203	15 Ngô Mỹ, P An Tân, TX An Khê, Gia Lai	3	95,722,020
11	Công ty TNHH TMXD Thế Phúc	TB0065B	1	Thôn 1, Xã Thành An, An Khê, Gia Lai	5	1,350,000
12	Chi nhánh số 07 - Công ty TNHH TMDV vận tải Bắc Nam	TB0066B	1	Tổ 6, Phường Ngô Mỹ, An Khê, Gia Lai	17	2,350,980
13	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Thành	TB0067B	1	432 Quang Trung, Phường An Phú, An Khê, Gia Lai	3	421,794
14	Công ty TNHH Thành Vinh	TB0074B	7	568 Quang Trung, Phường Tây Sơn, An Khê, Gia Lai	2	3,020,598
15	Công ty TNHH MTV Nguyễn Hiệp Thành	TB0077B	1	346 Quang Trung, Phường An Phú, An Khê, Gia Lai	2	280,112
16	Công ty TNHH Trung Vũ PHARMA	TB0078B	1	Tổ 11 Phường An Phú, An Khê, Gia Lai	2	281,250
17	Công ty TNHH một thành viên An Phú Long Gia Lai	TB0079B	3	275 Quang Trung, Phường An phú, An Khê, Gia Lai	2	861,696
18	Công ty TNHH một thành viên Hương Bình	TB0086B	7	558 Quang Trung, Phường Tây Sơn, An Khê, Gia Lai	2	2,178,000
19	Công ty TNHH Một thành viên Kim Chu	TB0094B	2	Tổ 4, Phường Ngô Mỹ, TX An Khê, Tỉnh Gia Lai	2	576,000
II	Khối HS, Đảng, Đoàn					3,875,607
1	Ban Quản Lý Chợ thị xã An Khê	HB0017B	4	Tổ 12, Phường An Phú, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai	3	2,660,607
2	Hội đồng đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất	HB0028B	2	Tây Sơn, An Khê, Gia Lai	3	1,215,000
III	Khối ngoài công lập					684,000
1	Trường Mầm Non Tư Thục AMI	NB0006B	5	Tổ 15, Phường An Phú, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai	2	684,000
IV	Cựu chiến binh					55,576,352
V	Đối tượng nghèo					104,501,250
VI	Học sinh sinh viên					1,352,206,490

1	Học sinh đông con khó khăn	BD0044 B	19	An Khê, Gia Lai	1	812,750
2	Ngân sách TW hỗ trợ học sinh, sinh viên	TYT001 B		An Khê, Gia Lai	4	673,745,310
3	Ngân sách tỉnh hỗ trợ học sinh, sinh viên	TYT002 B		An Khê, Gia Lai	5	677,648,430
VII Trẻ em dưới 6 tuổi						972,515,393
VIII Đối tượng cận nghèo						482,941,035
1	Cận nghèo xã Song An	AC0008 B	120	Xã Song An, An Khê, Gia Lai	10	22,257,990
2	Cận nghèo xã Cửu An	AC0009 B	135	Xã Cửu An, An Khê, Gia Lai	10	25,390,395
3	Cận nghèo xã Tú An	AC0010 B	100	Xã Tú An, An Khê, Gia Lai	10	18,765,000
4	Cận nghèo xã Xuân An	AC0011 B	84	Xã Xuân An, An Khê, Gia Lai	10	15,762,600
5	Ngân sách TW hỗ trợ cận nghèo	TYT004 B		An Khê, Gia Lai	4	201,126,870
6	Ngân sách Tỉnh hỗ trợ cận nghèo	TYT005 B		An Khê, Gia Lai	4	199,638,180
9	Hộ gia đình làm nông lâm ngư diêm nghiệp					604,305,900
1	NSNN tỉnh hỗ trợ HGĐ Nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình	TYT007 B		An Khê, Gia Lai	4	604,305,900
10	Người dân tộc thiểu số sống vùng KK, ĐBKK					210,818,193
1	Dân tộc thiểu số xã Song An	AO0001 B	260	Xã Song An, An Khê, Gia Lai	5	84,572,124
2	Dân tộc thiểu số xã Tú An	AO0002 B	694	Xã Tú An, An Khê, Gia Lai	3	126,246,069
Tổng						3,919,188,342

**DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG
01/2014 - 12/2014**

STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu	Địa chỉ nhà thầu	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Tổng trị giá nhà thầu trúng thầu
1	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long		2	6,714,000
2	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa		8	5,582,600
3	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TENAMYD		1	19,670,700
4	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA		2	12,854,000
5	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM		3	3,524,000
6	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Kon Tum		4	5,824,000
7	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai		7	18,558,340
8	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược Phẩm An		1	43,868,000
9	Gói thầu số 1	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1		4	15,931,500
10	Gói thầu số 1	CTY CP XNK Y TẾ DOMESCO		1	5,442,552
....					137,969,692

**DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG
01/2015 - 12/2015**



STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu	Địa chỉ nhà thầu	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Tổng trị giá nhà thầu trúng thầu
1	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long		1	1,737,000.00
2	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa		4	2,881,400.00
3	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Uống VIDIPHA		2	6,963,000.00
....					11,581,400.00

**DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG
01/2016 - 12/2016**

STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu	Địa chỉ nhà thầu	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Tổng trị giá nhà thầu trúng thầu
1	Gói thầu số 1	Cty CP DP Cửu Long		10	36,606,250
2	Gói thầu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa		12	19,160,000
3	Gói thầu số 1	Cty CP DP Minh Dân		3	30,319,488
4	Gói thầu số 1	Cty CP DP Trung ương VIDIPHA		2	36,204,000
5	Gói thầu số 1, 3	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai		17	120,069,380
6	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum		7	8,090,000
7	Gói thầu số 1	Cty CP XNK Y tế Gia Lai		4	11,733,666

8	Gói thầu số 1	Cty TNHH DP Shingpoong Daewoo		1	5,780,000
9	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1		9	41,162,500
....					309,125,284

**DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG
01/2017 - 12/2017**

STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu	Địa chỉ nhà thầu	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Tổng trị giá nhà thầu trúng thầu
1	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị		8	52,717,900
2	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế		1	5,250,000
3	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - VTYT Đắk Lắk		1	28,220,000
4	Gói thầu số 1	CONG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM CỬU		5	11,396,000
5	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh		27	38,320,001
6	Gói thầu số 1	CONG TY CỔ PHẦN DUỐC PHẨM MINH		2	1,419,200
7	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương		3	25,260,000
8	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV. PHARM		3	17,614,000
9	Gói thầu số 1	CONG TY CỔ PHẦN DUỐC VẬT TƯ Y TẾ		5	8,312,960
10	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế		5	39,190,320
11	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Vũ		2	30,840,000
12	Gói thầu số 1	Liên danh Công ty Cổ phần Dược - VTYT		2	2,684,000
13	Gói thầu số 1	Liên danh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu		1	5,120,000
....					266,344,381

**DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG
01/2018-12/2018**

STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu	Địa chỉ nhà thầu	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Tổng trị giá nhà thầu trúng thầu
1	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa		3	4,877,000
2	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV.PHARM		1	10,220,000
3	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm		1	3,400,000
4	Gói thầu số 1	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo		1	28,980,000
5	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Vũ		1	13,996,500
6	Gói thầu số 1	Liên danh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai và Công ty TNHH US Pharma USA		1	10,425,000
....					71,898,500

DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG 01/2019 - 9/2019

STT	Tên gói thầu	Tên nhà thầu	Địa chỉ nhà thầu	Số lượng mặt hàng trúng thầu	Tổng trị giá nhà thầu trúng thầu
1	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng		1	1,200,000
2	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình		3	20,167,200
3	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế Kon Tum		1	2,940,000
4	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Danapha		1	3,990,000
5	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang		3	38,689,056
6	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm		1	3,326,400
7	Gói thầu số 1	Công ty CP DP TW Vidiapha		3	24,801,000
8	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quảng Bình		2	6,107,200
9	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược Phẩm An		1	7,722,000

10	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	1	10,080,000
11	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	2	25,770,000
12	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	13	23,887,000
13	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	3	29,171,008
14	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	1	13,800,000
15	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	4,960,000
16	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	3	22,738,040
17	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	1	9,440,000
18	Gói thầu số 1	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	1	2,400,000
....				251,188,904

DANH MỤC THUỐC ĐÃ TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG 01/2014 - 12/2014

STT gói thầu	STT thuốc trong gói thầu	Tên gói thầu	Tên, địa chỉ nhà thầu trúng thầu	Tên mặt hàng	Hoạt chất/hàm lượng, nồng độ	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Số đăng ký/Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Giá kế hoạch	Giá trúng thầu	Giá kê khai bán buôn	Số lượng trúng thầu	Số lượng cung ứng thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	6	Gói thầu số 1	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Lobonxol 30mg	30mg	S.C.Laropharm	H/20	VN-16707-13	Viên		1,400		2,000	2000
	8	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Aldian Tablets 5mg	5mg	Polfarmex S.A	H/30v	VN-15793-12	Viên		1,524		200	180
	62	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	ACC 200mg	200mg	Lindopharm GmbH	H/50 gói, 100 gói	VN-17089-10	Gói		2,124		3,800	3800
	103	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm TENAMXD	Cledomox 625	500mg + 125mg	Medopharm (EU-GMP)	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-9841-10	Viên		4,930		4,000	3990
	162	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Thelizin	5mg	Khánh Hòa	Hộp 04 vỉ x 25 viên	VD-12874-10	Viên		76		5,000	5000
	165	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Katrypsin	4,2mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18964-13	Viên		263		9,000	9000
	169	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Kien Giang	Ambiron -30mg	30mg	Vacopharm	Hộp 50 viên	VD-6912-09	Viên		152		3,000	3000
	174	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	AMOXICYCLIN 500mg	500mg	VIDIPHA	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20472-14	Viên		536		7,500	4000
	176	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1	AUGXICINE 250mg + 31,25mg	250mg + 31,25mg	VIDIPHA	Hộp 10 gói x 800mg	VD-17976-12	Gói		1,785		6,000	6000
	187	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược phẩm An	FUDCADEX 10 ml	(1g + 300UI + 0.15g + 0.1g)	Công ty CP DP Pharmacia Đan Mạch	Hộp 20 ống * 10ml dùng	VD-17116-10	ống		3,988		11,000	11000
	190	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Captopril	25mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17928-12	Viên		106		600	600
	194	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV PHARM	Cetactor 1VP 125mg (Thuốc	125mg	TV PHARM	H/10 gói	VD-17744-10	Gói		1,420		2,000	2000
	215	Gói thầu số 1	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1	Oraxim 500	500mg	Chi nhánh công ty CP Armehacua-Xi	H/10	VD-17389-10	Viên		2,849		4,000	3500
	223	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Kacerin	10mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19387-13	Viên		68		1,000	1000
	227	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Ciprofloxacin SK	500mg	Sao Kim	H/20v	VD-9541-09	Viên		493		1,000	1000
	234	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Clorpheniramin	4mg	Khánh Hòa	Chai 1000 viên	VD-17176-12	Viên		36		3,500	4000
	248	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Domperidon	10mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-16384-12	Viên		80		1,000	1000
	291	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV PHARM	Ibuprofen 400mg	400mg	TV PHARM	V/10, H/100	VD-13472-12	Viên		255		1,500	800
	305	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Lacbio Pro	109CFU	Bidiphar 1	H/10 gói, 20 gói	VD-11522-10	Gói		872		5,500	5500
	340	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Nergamdecin	500mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18968-13	Viên		733		2,000	2000
	370	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Kien Giang	Effalgin	500mg	Tipharco	Hộp 16 viên	VD-19457-13	Viên sủi		664		6,000	6000
	371	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Kien Giang	Vadol 5	500mg	Vacopharm	Chai 1000 viên	VD-6934-09	Viên		98		4,500	3000
	372	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Acepron 80mg	80mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Hộp 20 gói	VD-22122-15	Gói		540		6,000	6000
	384	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV PHARM	Prednisolon 5mg (C/500)	5mg	TV PHARM	C/500	VD-10499-10	Viên		160		3,000	3000

401	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Cotrisseptol 480 mg	400mg+80mg	Quang Bình	H 20v, 200v, 2000v	VD-14380-11	Viên	218		1,500	1400
423	Gói thầu số 1	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trùng Khánh	Vitamin C	500mg	Quapharco	H 100	VD-12925-10	Viên	149		6,000	5000
424	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Amphar E-400	400UI	Ampharco U.S.A	H 30v, 100v, 90v	VD-13099-11	Viên	628		6,000	5940
426	Gói thầu số 1	Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trùng Khánh	Cephalexin 250mg	250mg	CP Armparaco-XL Công ty cổ phần được nhượng	H 24	VD-17300-12	Gói	805		6,000	3000
430	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần dược phẩm Cửu Long	Acepron 250mg	250 mg		Hộp 20 gói	VD-20678-14	Gói	579		6,000	6000
431	Gói thầu số 1	CITY COPXNK Y Te DOMESCO	Dopagan 150 Effervescent	150mg	DOMESCO	Hộp 12 gói	VD-16125-11	Gói	681		8,000	7992
432	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Panactol codein	500mg+10mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-6268-08	Viên	338		3,000	3000
433	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Empovid Fe- FOLIC	60mg + 0,25mg	SPM	H 30v, 60v, 100v	VD-20049-13	Viên	329		5,000	2700
572	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Kon Tum	Codamox	500mg	Mekophar	Hộp 100 viên	VD-14486-11	Viên	545		6,000	2000

DANH MỤC THUỐC ĐÃ TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG 01/2015-12/2015

STT gói thầu	STT thuốc trong gói thầu	Tên gói thầu	Tên, địa chỉ nhà thầu trúng thầu	Tên mặt hàng	Hoạt chất/ hàm lượng, nồng độ	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Số đăng ký/ Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Giá kế hoạch	Giá trúng thầu	Giá kê khai bán buôn	Số lượng trúng thầu	Số lượng cung ứng thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	162	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Trùng Khánh	Thelizin	5mg	Khánh Hòa	Hộp 04 vi x 10 viên	VD-12874-12	viên		76		3000	3000
	165	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trùng Khánh	Katrypsin AMINOXYCL	4,2mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-18904-12	viên		263		8000	8000
	174	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trùng Khánh	VIDIPHA	500mg	VIDIPHA	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-20472-12	viên		536		3000	3000
	176	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trùng Khánh	VIDIPHA	250mg + 31,25mg	VIDIPHA	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-17970-12	viên		1.785		3000	3000
	190	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Captopril	25mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-17928-12	viên		106		400	400
	430	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Acepron 250mg	250 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu	Hộp 20 gói	VD-20678-14	viên		579		3000	3000
	432	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Panactol codein	500mg+10mg	Khánh Hòa	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-6268-08	viên		338		1500	1500

DANH MỤC THUỐC ĐÃ TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG 01/2016-12/2016

STT gói thầu	STT thuốc trong gói thầu	Tên gói thầu	Tên, địa chỉ nhà thầu trúng thầu	Tên mặt hàng	Hoạt chất/ hàm lượng, nồng độ	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Số đăng ký/ Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Giá kế hoạch	Giá trúng thầu	Giá kê khai bán buôn	Số lượng trúng thầu	Số lượng cung ứng thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

15	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Captopril 25mg	25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17928- 12	Viên		99	99	5000	5000
21	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Cinnarizin	25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 04 vỉ x 50 viên	VD-16686- 12	Viên		54	54	2000	2000
20	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Kacerin	10mg	Hòa - Việt Nam Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19387- 13	Viên		63	63	10000	10000
4	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Katrypsin	4,2mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18964- 13	Viên		186	186	30000	30000
7	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Kavasdin 5	5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20761- 14	Viên		99	99	3000	3000
3	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Thelizin 5mg	5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 04 vỉ x 25 viên	VD-12874- 10	Viên		68	68	20000	20000
24	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Doxycyclin 100mg	100mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22475- 15	Viên		274	274	5000	5000
69	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Erythromycin 500mg	500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-15559- 11	Viên		1,256	1,256	2000	2000
27	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Glucosamin 500mg	500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17466- 12	Viên		284	284	2000	2000
51	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Kacetam 800mg	800mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17467- 12	Viên		325	325	8000	8000
37	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Methyl prednisolon 4mg	4 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22479- 15	Viên		332	332	5000	5000
47	Gói thấu số 1	Cty CP DP Khánh Hòa	Panactol 500mg	500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18743- 13	Viên		99	99	20000	20000
16	Gói thấu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Ceplor VPC 125mg	125mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 30 gói	VD-14700- 11	Gói		1,285	1,285	3000	3000
18	Gói thấu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Furacin 125mg	125mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 10 gói	VD-13357- 10	Gói		1,490	1,490	5000	5000
19	Gói thấu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Furacin 250mg	250mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 5 viên	VD-13358- 10	Viên		1,579	1,579	1000	1000
43	Gói thấu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Ovac - 20	20mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20187- 13	Viên		175	175	1000	1000
46	Gói thấu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Acepron 80mg	80mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 20 gói	VD-22122- 15	Gói		419	419	16000	16000
48	Gói thấu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Panalgan effer 500mg	500mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 4 viên	VD-17904- 12	Viên		579	579	10000	10000

57	Gói thầu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Magnesium B6	5mg+ 470mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-16231-12	Viên		134	10000	10000
63	Gói thầu số 1	Cty CP DP Cửu Long	CEFACYL 250	250mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 30 gói	VD-8575-09	Gói		775	7000	6990
64	Gói thầu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Cephalexin 500mg	500mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-10140-10	Viên		714	4000	4000
70	Gói thầu số 1	Cty CP DP Cửu Long	Acetylcysteine 200mg	200mg	Cty CPDP Cửu Long - Việt Nam	Hộp 30 gói	VD-21827-14	Gói		480	3000	3000
8	Gói thầu số 1	Cty CP DP Trung ương VIDIPHA	AUGXICINE 250mg/31,25mg	250mg + 31,25mg	VIDIPHA- Việt NAM	Hộp 10 gói x 800mg	VD-17976-12	Gói			20000	20000
42	Gói thầu số 1	Cty CP DP Trung ương VIDIPHA	VIFLOXACOL	0,3%/ 5ml	VIDIPHA- Việt NAM	Hộp 1 chai 5ml	VD-19493-13	Viên		1,764	200	200
40	Gói thầu số 1	Cty TNHH DP Shingpoong Daewoo	Grangel	Nhôm hydroxid tương đương 0,3922g Nhôm Oxit + 0,6g Magie hydroxit + 0,06g	Công ty TNHH DP Shingpoong Daewoo - Việt Nam	Hộp 20 gói 10ml	VD-18846-13	Gói			2000	2000
29	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Bacivrit H	109CFU	Cty LD DP Mebiphar- Austrapharm - Việt Nam	Hộp 14; 25; 100 gói	QLSD-834-15	gói		2,890	20000	20000
5	Gói thầu số 3	CTY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI	Bổ gan P/H Phúc Hưng		Cty TNHH Đông Dược Phúc Hưng - Việt Nam	Lọ 100; 60 viên; Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 20 viên	V1093-H12-10; gia hạn 31/12/2015	viên		840	2,000	2000
11	Gói thầu số 3	CTY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI	Hoa đá tái tạo hoàn		Guangzhou Qixing Pharmaceutical Co., Ltd - China	Hộp 10 gói x 8 gam	VN-5257-10; gia hạn 6 tháng	viên		189	2,000	2000
2	Gói thầu số 3	CTY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI	Hoạt huyết dưỡng não ACP		Cty CP Dược phẩm Medisun - Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 20; Chai 100 viên	GC-222-14	viên		198	2,000	2000
	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Ambroxol 30mg	30mg	Tipharco - Việt Nam	hộp 10 vỉ*10 viên	VD-17522-12	viên		168	5000	4500
71	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Vitamin AD	5 000 UI + 500 UI	Cty CP Dược phẩm Medisun - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20770-14	viên		240	10000	10000
59	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Vitamin E 400 UI	400IU	Cty CP Dược phẩm Medisun - Việt Nam	vỉ 10 viên; chai 100 viên	VD-20771-14	viên		580	3000	3000
60	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Alverin 40mg	40mg	Cty CP Dược-VT Y T Thanh Hóa - Việt Nam	Lọ 100 viên; vỉ 10 viên nén	VD-20494-14	viên		122	10000	10000

	1	Gói thầu số 3	CTY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI	Dưỡng cốt hoàng		CTY CP Công Nghệ Cao Traphaco - Việt Nam	Hộp 20 gói x 5g viên hoàn cứng	VD-17817-12	Gói		3,499	1,000	1000
	3	Gói thầu số 3	CTY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI			Chi nhánh Công ty CP DP OPC tại Bình Dương - Nhà máy DP OPC - Việt Nam	Chai 100; Chai 240 viên	VD-18756-13			3,499	1,000	3120
	4	Gói thầu số 3	CTY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI	Hoàng lục vị bổ thận âm		Cty CP BV Pharma - Việt Nam	Chai 100 viên; Vi 18 viên; Vi 10 viên	VD-7105-09	Viên		174	2,000	2000
	7	Gói thầu số 3	CTY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ GIA LAI	Khu phong trừ thấp		Chi nhánh Công ty CP DP OPC tại Bình Dương - Nhà máy DP OPC - Việt Nam	Hộp 50 viên	VD-11636-10	Viên		889	1,000	1000
	1	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	RHINASSIN OPC	875mg+ 125mg	Tipharco - Việt Nam	H/14v	VD-11694-10	Viên		1,250	10000	13250
	49	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Aucanilityl 1g	150mg	Cty CP Dược - BHYT Bình định (Bidiphar) - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5; 10 vỉ x 5 viên	VD-21236-14	Viên đạn		6,386	300	300
	23	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum	Biragan 150 mg	10mg	Vacopharm - Việt Nam	Hộp 100 vỉ x 10 viên	VD-11802-10	Viên		1,470	3000	3000
	32	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum	Domperidon 10mg	10mg	Vacopharm - Việt Nam	hộp 50 vỉ x 20 viên	VD-22567-15	Viên		72	10000	10000
	36	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum	Vaco Loratadin	7,5 mg	Vacopharm - Việt Nam	Hộp 100 vỉ x 10 viên	VD-10568-10	Viên		128	6000	6000
	53	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum	Meloxicam 7,5	5g	Tipharco - Việt Nam	Hộp 20 gói x 5 g thuốc bột	VD-17532-12	Gói		64	3000	3000
	67	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum	Sorbitol	50mg	Vacopharm - Việt Nam	hộp 50 vỉ x 20 viên	VD-20908-14	Viên		432	5000	5000
	3	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum	Diclofenac 50	250mg	Tipharco - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VD-17955-12	Viên		99	2000	2000
	61	Gói thầu số 1	Cty CP DP Minh Dân	Cefuroxim 250	250mg	CTCPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 12 gói x 1,4g	VD-18308-13	Gói		1,740	1000	996
	10	Gói thầu số 1	Cty CP DP Minh Dân	Amoxicillin 250mg	500mg	CTCPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17932-12	Viên		692	10000	10000
	9	Gói thầu số 1	Cty CP DP Minh Dân	Amoxicillin 500mg	500mg + 125mg	CTCPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 02 vỉ x 07 viên	VD-22188-15	Viên		528	10000	9,996
	68	Gói thầu số 1	Cty CP Dược vật tư y tế Kon Tum	Midatan 500/125	3g	CTCPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 50 gói x 3g thuốc bột	VD-18426-13	Gói		2,436	1000	1,000
				Diosmectit		Vacopharm - Việt Nam					939		

	54	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Cotrisseptol 480mg	400mg+ 80mg	Quapharco - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 20 viên	VD-14380-11	Viên		219	3000
	4	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Meclofenol	100mg+ 500mg	Doppel - Italy	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VN-16977-13	Viên		16,000	500
	38	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Uscmusol	200mg	US Pharma USA - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 4 viên	VD-21188-14	Viên		2,400	5,000
	1	Gói thầu số 1	Cty CP XNK Y tế Gia Lai	Curam 1000mg	875mg + 125mg	Sandoz GmbH - Austria	H/10v	VN-13858-11	Viên		10,185	1000
	25	Gói thầu số 1	Cty CP XNK Y tế Gia Lai	Gentamicin 0	0,3%/ 5ml	Bidipharl - Việt Nam	H/1 lọ 5ml	VD-12213-10	Lọ		2,163	200
	28	Gói thầu số 1	Cty CP XNK Y tế Gia Lai	Bikozol	2%/ 5g	Bidipharl - Việt Nam	H/1 tube	VD-14935-11	Tube		3,444	300
	41	Gói thầu số 1	Cty CP XNK Y tế Gia Lai	Oxy già 10TT	3%, 60ml	CN OPC Bình Dương - Việt Nam	Chai 60ml	VD-19403-13	Lọ		1,379	150
	58	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Vitamin C 500mg	500mg	Quapharco - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-12925-10	Viên		139	10000
	22	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Ciprofloxacin 0,3%	0,3%/ 5ml	Cty CP DP 3/2 - Việt Nam	Lọ 5ml	VD-16830-12	lọ		2,900	200
	6	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Ambroxol 30mg	30mg	Tipharco - Việt Nam	hộp 10 vỉ*10 viên	VD-17522-12	viên		168	500
	5	Gói thầu số 1	Cty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	Newstomaz	60mg+ 300mg	Cty CP Dược phẩm Medisun - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Uống	VD-21865-14	viên		900	3000
	52	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Povidon iod 10% 500ml	10%/ 500ml	Quapharco - Việt Nam	Chai	VNS-4632-08	lọ		43,450	150
	5	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Dilarem 150mg	150mg	Remedica LTD - Cyprus	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VN-9360-09	Viên		29,700	300
	7	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Merulo 7,5mg	7,5mg	S.C. Laropharm - Romania	Hộp 100 viên, Uống	VN-16708-13	Viên		1,780	1000
	65	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Cimetidin 300mg	300mg	XNDP 150 - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-16747-12	Viên		212	3000
	17	Gói thầu số 1	Cty TNHH MTV DP trung ương 1	Cefixim 20mg	200mg	XNDP 150 - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VD-10875-10	Viên		1,272	1000

DANH MỤC THUỐC ĐÃ TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG 01/2017-12/2017

STT gói thầu	STT thuốc trong gói thầu	Tên gói thầu	Tên, địa chỉ nhà thầu trúng thầu	Tên mặt hàng	Hoạt chất/ hàm lượng, nồng độ	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Số đăng ký/ Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Giá kê hoạch	Giá trúng thầu	Giá kê khai bán buôn	Số lượng trúng thầu	Số lượng cung ứng thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	543	Gói thầu 1	Đơn vị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Vinpha E	400IU	Công ty Cổ phần dược phẩm Vĩnh	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-16311-12	Viên		512		10,000	10000
	45	Gói thầu 3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai	Dưỡng cốt hoàn	0,3g, 0,6g, 0,6g	Công ty Cổ phần công nghệ cao	Hộp 20 túi - Viên, gói 5g	VD-17817-12	Viên		3,495		1,000	1,000

276	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Augibidil 625	500mg + 125mg	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Viên nén bao	VD-14675-11	Viên		1,949	10,000	10000
278	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Amoxicilin 250mg	250mg	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Hộp 12 gói x 1,4g thuốc	VD-18249-13	Gói		525	10,000	10,000
302	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Biciflexin powder	250mg	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Hộp 12 gói x 1,4g thuốc	VD-18250-13	Gói		685	20,000	20,000
330	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Ciprofloxacin 0,3%	0,3% / 5ml	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Hộp 10 gói x 5ml dung	VD-19322-13	Lọ		2,499	300	300
371	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Gentamicin 0,3%	0,3% / 5ml	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	5ml dung	VD-12213-10	Lọ		2,121	200	200
403	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Bikozol	2% / 5g	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Hộp 1 tuýp x 5g gel	VD-14935-11	Tuýp		3,486	300	300
406	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	LACBIOSYN ^d	10 ⁸ CFU	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Hộp 100 gói thuốc bột	QLSP-851-15	Gói		756	15,000	15000
462	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Biloxcin Eye	0,3% / 5ml	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	5ml dung	VD-15376-11	Lọ		3,591	200	200
275	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Augclamax 250	250mg + 31,25mg	Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	1,5g, bột pha	VD-21647-14	Gói		1,411	20,000	20000
47	Gói thấu 3	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Hoạt huyết đường	150mg+20mg	Hà Nam	Hộp 1 vi, 5 vi x 20 viên	V1425-H12-10	Viên	180	175	30,000	30,000
441	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Agimycob	65000IU + 100000IU	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên nén	VD-13749-11	Viên		1,208	500	500
507	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Sorbitol	5g	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	5g, thuốc	VD-26245-17	Gói		416	5,000	5000
264	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Thelizin	5mg	Dược phẩm Khánh Hòa	25 viên, viên	VD-24788-16	Viên		66	40,000	40000
267	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Katrypsin	4,2mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-18964-13	Viên		127	60,000	60,000
274	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Kavadin 5	5mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-20761-14	Viên		85	20,000	20000
296	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Captopril	25mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-17928-12	Viên		78	5,000	5000
323	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Kacern	10mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-19387-13	Viên		51	5,000	5000
324	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Clorpheniramin	4mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	viên, viên	VD-17176-12	Viên		25	10,000	10000
327	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Cinnarizin	25mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	50 viên, viên	VD-16686-12	Viên		45	10,000	10000
348	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Domperidon	10mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-16384-12	Viên		54	10,000	10000
428	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Meloxicam	7,5 mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-16392-12	Viên		52	5,000	5000
434	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Methylprednisolone 4	4mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-22479-15	Viên		236	20,000	20000
446	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Nergamdicin	500mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-18968-13	Viên		629	2,000	2000
466	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Kagassine	20mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	10 viên, viên	VD-16386-12	Viên		132	10,000	10000
474	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Panactol	500mg	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	viên, viên	VD-18743-13	Viên		77	20,000	20000

484	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Kacetam	800mg	Dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên	VD-17467- 12	Viên		265	10,000	10000
520	Gói thấu 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Timidazol	500mg	Dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên	VD-22177- 15	Viên		338	5,000	5000
316	Gói thấu 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV PHARM	Travinat 500mg	500mg	Công ty cổ phần dược phẩm	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-19501- 13	Viên		2,118	5,000	5000
413	Gói thấu 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV PHARM	Loratadine	10mg	Công ty cổ phần dược phẩm	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	VD-17988- 12	Viên		100	10,000	9990
549	Gói thấu 1	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	CEFUROVID 125	125mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương	Hộp 1 vỉ x 10 viên nén	VD-13902- 11	Gói		1,397	5,000	5000
300	Gói thấu 1	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha	CEFACLO 500mg	500mg	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương	Hộp 1 vỉ x 10 viên nén	VD-20851- 14	Viên		2,709	5,000	5000
550	Gói thấu 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV PHARM	Travinat 250mg	250mg	Công ty cổ phần dược phẩm	Hộp 1 vỉ x 10 viên nén	VD-20875- 14	Viên		1,205	5,000	5000
198	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	AMOXICYLIN 500mg	500mg	Vidipha	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	VD-20472- 14	Viên		473	10000	10000
245	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	Doxycyclin 100	100mg	Cty CPDP Cửu Long	H/10v/10	VD-16864- 12	Viên		275	4000	4000
48	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	Accepron 80	80mg	Cty CPDP Cửu Long	H/20 gói x 1,5g	VD-22122- 15	Gói		378	2000	2000
2	Gói thấu 3	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Vũ	Thuốc ho K/H	15g + 20g + 10g + 10g	Công ty CPTM được VTYT Khải Hà truy cập	Hộp 1 chai 100ml	VD-23249- 15	Chai		20,000	1,500	1,500
3	Gói thấu 3	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Vũ	Hoàng lực vị bổ th	48mg, 36mg,	Cty Công ty CP OPC tại Bình Dương	240 viên,	VD-18756- 13	Viên		175	1,500	4,800
161	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ GIA LAI	Medoclor 500mg	500mg	Medochemie Ltd. - Factory C	Hộp 16 viên	VN-17744- 14	Viên		15,800	2000	2000
67	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Katrysin	4,2mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18964- 13	Viên		153	10000	10000
988	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	Ambroxol 30mg	30mg	Công ty cổ phần dược phẩm Triplarco	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17522- 12	Viên		164	5000	5000
491	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Kavasin 5	5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-20761- 14	Viên		94	10000	10000
496	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Captopril	25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17928- 12	Viên		96	6000	6000
79	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Kacerin	10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-19387- 13	Viên		56	2000	2000
80	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Cinnarizin	25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 04 vỉ x 50 viên	VD-16686- 12	Viên		52	2000	2000
227	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DẪN	Ciprofloxacin 0,3%	0,3% / 5ml	CTCPDP Minh Dẫn	Hộp 1 lọ 5ml	VD-22941- 15	Lọ		2,646	200	200
688	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	Domperidon	10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Vaco	Hộp 100 vỉ x 10 viên	VD-11802- 10	Viên		67	2000	2000
91	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	Vaco Loratadine	10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Vaco	Hộp 50 vỉ x 20 viên	VD-22567- 15	Viên		120	2000	2000
41	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KON TUM	Meloxicam	7,5 mg	Công ty cổ phần dược phẩm Vaco	Hộp 100 vỉ x 10 viên	VD-10568- 10	Viên		64	5000	5000
775	Gói thấu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Methyl prednisolon 4	4mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22479- 15	Viên		305	2000	2000

233	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Nergamidcin	500mg	Công ty cổ phần được phẩm Khánh	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-18968-13	Viên	1,340	709	2000	2000
235	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Ofloxacin	200mg	Công ty cổ phần được phẩm Khánh	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-15909-11	Viên	440	325	2000	2000
677	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Kagadine	20mg	Công ty cổ phần được phẩm Khánh	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-16386-12	Viên	659	157	5000	5000
48	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	Paracetamol 500mg	500mg	CTCPDP Minh Dân	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-23604-15	Viên	500	89	10000	10000
48	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	Paraliganefler 500	500mg	Cty CPDP Cửu Long	H/4v/4	VD-17904-12	Viên	945	564	10000	10000
576	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Kacetam	800mg	Công ty cổ phần được phẩm Khánh	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-17467-12	Viên	1,100	276	8000	8000
776	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Hydrocolacyl	5mg	Công ty cổ phần được phẩm Khánh	Hộp 10 vỉ x 20 viên	VD-19386-13	Viên	290	117	2000	2000
242	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ GIA LAI	Vamidol 480	400mg + 80mg	SPM	100 viên, Chai 100 viên	VD-20337-13	Viên	600	200	4000	4000
216	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	Timidazol	500mg	Công ty cổ phần được phẩm Khánh	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-22177-15	Viên	600	374	5000	5000
1055	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	Magnesium - B6	5mg + 470mg	Cty CPDP Cửu Long	H/10v/10	VD-16231-12	Viên	357	135	20000	20000
1057	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	Ascorbic 500mg	500mg	Cty CPDP Cửu Long	H/50v/10	VD-16227-12	Viên	360	120	10000	10000
665	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ GIA LAI	Vinphatex	200mg	Vĩnh Phúc	Hộp/100 viên	VD-15649-11	Viên	250	177	5000	5000
155	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TỬ Y TẾ KON TUM	Auculantyl 1g	875mg + 125mg	Công ty cổ phần được phẩm Tripharco	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-11694-10	Viên	6,890	6,840	1000	994
48	Gói thầu 1	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ GIA LAI	Hapacol 150	150mg	Dược phẩm DHG	Hộp 24 gói	VD-21137-14	Gói	1,700	1,210	2000	1992

DANH MỤC THUỐC ĐÃ TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG 01/2018-12/2018

STT gói thầu	STT thuốc trong gói thầu	Tên gói thầu	Tên, địa chỉ nhà thầu trúng thầu	Tên mặt hàng	Hoạt chất/hàm lượng, nồng độ	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Số đăng ký/Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Giá kế hoạch	Giá trúng thầu	Giá kê khai bán buôn	Số lượng trúng thầu	Số lượng cung ứng thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	267	Gói thầu 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Kartrypsin	4,2mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén	VD-18964-13	Viên		127		20,000	20,000

274	Gói thầu 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Kavadin 5	5mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén	VD-20761-14	Viên		85	10,000	10,000
348	Gói thầu 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Domperidon	10mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén	VD-16384-12	Viên		54	3,000	3,000
484	Gói thầu 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Kacetam	800mg	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim	VD-17467-12	Viên		265	5,000	5,000
114		Liên danh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Gia Lai và Công ty TNHH US Pharma USA	Paratriam 200mg Powder	200mg	Lindopharm GmbH	Hộp 20 gói, 50 gói, 100 gói - Bột pha uống	VN-19418-15	Gói		2,085	5,000	5,000
22	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Vũ	Setblood	115mg + 100mg + 50mg	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Hộp 10 vỉ x 10 viên (nhôm-PVC), hộp 10 vỉ x 10 viên (nhôm-PVC)	VD-18955-13	Viên	1060	1,050	13,334	13,330
19	Gói thầu số 1	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Grangel	hydroxid 0,6g + nhôm hydroxid gel tương đương 0,3922g Nhôm Oxit + 0,06g Simethicone	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Hộp 20 gói x 10ml Hồn dịch uống	VD-18848-13	Gói	2940	2,898	10,000	10,000
	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV PHARM	Orenko	200mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV PHARM	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng	VD-23074-15	Viên		1,022	10,000	10,000
	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Vacopharm	DOPAGAN 500 MG	500mg	Cty CP XNK Y tế Domesco	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-26461-17	Viên		340	10,000	10,000

DANH MỤC THUỐC ĐÃ TRÚNG CÁC GÓI THẦU MUA THUỐC DO SỞ Y TẾ, BỆNH VIỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TỪ THÁNG 01/2019 - 9/2019

STT gói thầu	STT thuốc trong gói thầu	Tên gói thầu	Tên, địa chỉ nhà thầu trúng thầu	Tên mặt hàng	Hoạt chất/hàm lượng, nồng độ	Nơi sản xuất	Quy cách đóng gói	Số đăng ký/ Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Giá kê hoạch	Giá trúng thầu	Giá kê khai bán buôn	Số lượng trúng thầu	Số lượng cung ứng thực tế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	576	Gói thầu số 1	Công ty CP Dược phẩm Quảng Bình	Co-trisepitol 480mg	400mg+ 80mg	Công ty CP Dược phẩm Quảng Bình	Hộp 10 vỉ x 20 viên nén	VD-14380-11	Viên	338	212	212	20,000	10,000
	571	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Sorbitol 5g	5g	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Hộp 20 gói x 5g. Thuốc bột pha dung dịch uống	VD-25582-16	Gói	735	399	399	20,000	10,000
	305	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Aughidil 250mg/31,25mg	250mg + 31,25mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Hộp 20 gói x 1g thuốc bột pha hỗn dịch	VD-26363-17	Gói	5,500	1298	1298	30,000	15,000
	308	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang			CTy TNHH MTV phía hỗn dịch uống	h/24 gói; thuốc bột	VD-24013-15	gói	1,386			20,000	9,984
	497	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPPI	Hagimox 250	250mg	Dược phẩm DHG Cty TNHH Us Pharma USA	H/40, viên nén sủi	VD-21188-14	Viên	2,590	1000	1000	10,000	4,960
	609	Gói thầu số 1	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Vitamin E 400	400IU	Công Ty CP Pymepharco	H/10 vỉ/10 viên nang mềm	VD-22617-15	Viên	1,140	480	480	10,000	5,000
	606	Gói thầu số 1	Công ty CP Dược phẩm Quảng Bình	Vitamin C 500mg	500mg	Công ty CP Dược phẩm Quảng Bình	Hộp 10 vỉ x 10 viên bao film	VD-25768-16	Viên	325	178	178	40,000	22,400
	337	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	Captagim	25mg	Agimexpharm	Viên nén, H/100 viên	VD-24114-16	Viên	800	84	84	100,000	39,600
	366	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Cinnarizin	25mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 04 vỉ x 50 viên nén	VD-16686-12	Viên	140	47	47	20,000	1,000
	342	Gói thầu số 1	Công ty CP DP TW Vidipha	CEFACLOR 500mg	500mg	Vidipha	Hộp 1 vỉ x 10 viên nang	VD-20851-14	Viên	4,690	2772	2772	10,000	6,000
	363	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Kacerin	10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 50 vỉ x 10 viên nén	VD-19387-13	Viên	250	56	56	30,000	15,000
	390	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Dompardon	10mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-28972-18	Viên	300	61	61	10,000	5,000
	394	Gói thầu số 1	Công ty CP DP TW Vidipha	ANELIPRA 10	10mg	Vidipha	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-19964-13	Viên	900	168	168	100,000	27,500

544	Gói thầu số 1	Công ty CP DP TW Vidipha	PIRACETAM 800mg	800mg	Vidipha	Hộp 10 vỉ x 10 viên bao phim	VD-26311- 17	Viên	966	273	273	40,000	13,000
464	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng	Loperamid hydroclorid 2mg	2mg	Công ty TNHH MTV 120 ARMEPHACO	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng	VD-24586- 16	Viên	600	120	120	20,000	10,000
585	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Trinidazol	500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	VD-22177- 15	Viên	600	329	329	20,000	10,000
271	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Partamol eff	500mg	Chi nhánh Công ty TNHH Liên doanh Siada - Việt Nam	H/4 vỉ x 4 viên, viên nén sủi bọt	VD-24570- 16	Viên	1,400	1380	1380	20,000	10,000
635	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	Nifedipin Hasan 20 Retard	20mg	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	10 vỉ x 10 viên, viên nén bao phim tác dụng kéo dài, uống	VD-16727- 12	Viên	600	504	504	40,000	20,000
533	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Accefgalan 500	500mg	Công ty cổ phần dược phẩm Euvipharum	Hộp 4 vỉ x 4 viên, viên nén sủi bọt	VD-23528- 15	Viên	2,100	555	555	80,000	40,000
531	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	Accepron 80	80mg	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	H/20 gói x 1,5g	VD-22122- 15	Gói	650	357	357	20,000	10,000
300	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế Kon Tum	Ambroxol 30mg	30mg	Công ty cổ phần dược phẩm Tiphareco	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-29138- 18	Viên	315	147	147	40,000	20,000
309	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV, Pharm	Amoxiellin 500mg	500mg	Công ty TNHH một thành viên được phẩm và sinh học y tế	Hộp 20 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng	VD-24579- 16	Viên	1,250	472	472	40,000	20,000
356	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Đán	Cefuroxime 500mg	500mg	Công ty CPDP Minh Đán	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim	VD-22940- 15	Viên	7,000	1,974	1,974	10,000	2,000
368	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Đán	Ciprofloxacin 0,3%	0,3% / 5ml	Công ty CPDP Minh Đán	Hộp 20 lọ 5ml, Dung dịch nhỏ mắt	VD-22941- 15	Lọ	4,700	2,042	2,042	400	200
364	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Clorpheniramin	4mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Chai 1000 viên nén	VD-17176- 12	Viên	30	27	27	60,000	30,000
412	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Gentamicin 0,3%	0,3% / 5ml	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Hộp 1 lọ x 5ml dung dịch thuốc nhỏ mắt	VD-28237- 17	Lọ	3,150	2,100	2,100	200	200
387	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Hamett	3g	Cty TNHH MTV Dược phẩm DHG	h/24 gói; thuốc bột pha hỗn dịch uống	VD-20555- 14	gói	2,310	735	735	10,000	4,992

551	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hydrocolacyl	5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Chai 500 viên nén	VD-21862-14	Viên	330	89	89	40,000	20,000
522	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Kagastidine	20mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Chai 1000 viên nang vi hạt	VD-16386-12	Viên	750	127	127	20,000	10,000
304	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Kavadin 5	5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-20761-14	Viên	450	82	82	100,000	50,000
465	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Loratadine	10mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén	VD-17988-12	Viên	583	98	98	40,000	19,980
480	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Meloxicam	7,5mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-16392-12	Viên	405	63	63	40,000	20,000
485	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Methylprednisolone 4	4mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-22479-15	Viên	600	218	218	40,000	20,000
306	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Midatan 500/125	500mg + 125mg	Công ty CPDP Minh Dân	Hộp 02 vỉ x 07 viên, Viên nén bao phim	VD-22188-15	Viên	4,150	1,748	1,748	30,000	14,196
519	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Ofloxacin	200mg	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-27919-17	Viên	700	279	279	20,000	10,000
349	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Orenko	200mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Viên nang cứng	VD-23074-15	Viên	7,321	978	978	20,000	10,000
359	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Travimat 250mg	250mg	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim	VD-20875-14	Viên	5,401	1,100	1,100	40,000	10,000
637	Gói thầu số 1	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Hapacol 250	250mg	CTy TNHH MTV Dược phẩm DHG	hộp 24 gói thuốc bột túi bột	VD-20558-14	gói	2,100	1,500	1,500	40,000	19,992
610	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Vitamin PP	500mg	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	VD-15156-11	Viên	388	163	163	10,000	5,000
295	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Thelizin	5mg	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 25 viên nén	VD-24788-16	Viên	362	74	74	60,000	30,000
534	Gói thầu số 1	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Biragan 150	150mg	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Hộp 2 vỉ x 5 viên thuốc đơn	VD-21236-14	Viên	2,100	1,386	1,386	200	200
471	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Dược Phẩm An	Fumagate - Fort	0,8g + 0,8g + 0,1g	Công ty cổ phần DP Phương Đông	Hỗn dịch uống, Hộp 30 gói x 10g	VD-24257-16	Gói	4,200	3,900	3,900	5000	1,980